

## PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ**  
**SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**  
(Tính tháng 06/2024)

**Khoa: Công nghệ thông tin**

Số ngày CTXH cần hoàn thành: 10

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH52000012	Bùi Thị Vân	Anh	D20_TH01	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
2	DH52002703	Cung Phương	Anh	D20_TH01	7	5	-	-	-	-	1	1	-	3
3	DH52000029	Nguyễn Văn	Bảo	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
4	DH52002179	Trần Gia	Bảo	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	DH52000045	Lê Nguyễn Thành	Công	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52002303	Lê Chí	Cường	D20_TH01	4	-	-	-	-	-	3	1	-	6
7	DH52000037	Đỗ Hoàng	Dũng	D20_TH01	11.5	10.5	-	-	-	-	1	-	-	0
8	DH51902172	Nguyễn Tiến	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52001690	Trần Thị Mỹ	Duyên	D20_TH01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
10	DH52000482	Ngô Thái	Dương	D20_TH01	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
11	DH52001986	Tổng Thành	Đạt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH51901190	Trần Quốc	Đạt	D20_TH01	1.5	-	0.5	-	0.5	-	0.5	-	-	8.5
13	DH52001712	Trần In	Đoanh	D20_TH01	8.5	7	-	-	-	-	1.5	-	-	1.5
14	DH52000880	Mai Nhật	Hào	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
15	DH52001503	Vũ Văn	Hiên	D20_TH01	11	11	-	-	-	-	-	-	-	0
16	DH52002015	Lương Gia	Huy	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
17	DH52001933	Đỗ Quốc	Khánh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH52001784	Nguyễn Thiệu	Khiêm	D20_TH01	6	-	0.5	-	-	-	5.5	-	-	4
19	DH52002144	Đặng Vinh	Kiên	D20_TH01	8.5	8.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5
20	DH51900489	Lê Hoàng	Long	D20_TH01	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
21	DH52001645	Trần Tấn	Lộc	D20_TH01	11	10	-	-	-	-	1	-	-	0
22	DH52001856	Phan Văn	Mãnh	D20_TH01	19.5	-	0.5	-	-	-	17	2	-	0
23	DH52001367	Lâm Chí	Minh	D20_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
24	DH52002302	Cao Hoàng	Nam	D20_TH01	4	-	-	-	-	-	3	1	-	6
25	DH52001037	Lê Trung	Nam	D20_TH01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
26	DH51900063	Võ Văn	Nghĩa	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
27	DH52001504	Đỗ Minh	Nhật	D20_TH01	10	10	-	-	-	-	-	-	-	0
28	DH52000828	Nguyễn Văn	Quang	D20_TH01	38.5	2	-	-	-	-	36.5	-	-	0
29	DH52003145	Huỳnh Trần Anh	Quốc	D20_TH01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
30	DH52001349	Lê Hoàng	Quốc	D20_TH01	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
31	DH51904332	Nhan Lâm	Quy	D20_TH01	3.5	3	-	-	-	-	0.5	-	-	6.5
32	DH52000937	Châu Tấn	Tài	D20_TH01	13	-	-	-	-	-	13	-	-	0
33	DH52002680	Ngô Duy	Tấn	D20_TH01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
34	DH52000817	Nguyễn Anh	Thiện	D20_TH01	12.5	-	-	-	-	-	12.5	-	-	0
35	DH52001927	Trần Ngọc	Thoại	D20_TH01	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
36	DH52001900	Nguyễn Minh	Triều	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
37	DH52000131	Lê Quốc	Trung	D20_TH01	11.5	-	0.5	-	-	-	11	-	-	0
38	DH52001904	Nguyễn Hữu	Trường	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
39	DH52001991	Nguyễn Anh	Tú	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
40	DH52002799	Ngô Huy	Tuấn	D20_TH01	14.5	-	-	-	-	-	14.5	-	-	0
41	DH52000774	Lê Quang	Vinh	D20_TH01	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
42	DH52002896	Nguyễn Hoàng	Vũ	D20_TH01	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
43	DH52001133	Trương Công	Vui	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
44	DH52002785	Nguyễn Thị Hồng	Yên	D20_TH01	6.5	-	-	-	-	-	5.5	1	-	3.5
45	DH52001628	Ngô Đoàn Thúy	Hiền	D20_TH02	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
46	DH52003191	Vũ Khải	Hoàn	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
47	DH52001988	Trần Minh	Huân	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
48	DH52002286	Mai Đức	Huy	D20_TH02	10	-	-	-	3	-	7	-	-	0
49	DH52001341	Nguyễn Quốc	Huy	D20_TH02	8.5	-	-	-	0.5	-	8	-	-	1.5
50	DH52000689	Sử Duy	Khánh	D20_TH02	10	-	-	-	0.5	-	9.5	-	-	0
51	DH52003670	Trần Xuân	Khương	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
52	DH52001423	Nguyễn Trung	Kiên	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
53	DH52002316	Nguyễn Kiều	Linh	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
54	DH52001688	Phạm Nhật	Linh	D20_TH02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
55	DH52001727	Lê Lâm Tấn	Lộc	D20_TH02	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
56	DH52002996	Nguyễn Phước	Lộc	D20_TH02	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
57	DH52000780	Lâm Huỳnh Khánh Minh	D20_TH02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
58	DH52003592	Nguyễn Khải Minh	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
59	DH52002265	Phạm Minh Nhân	D20_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
60	DH52001486	Đào Minh Nhựt	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
61	DH52000596	Nguyễn Quốc Oai	D20_TH02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
62	DH52002064	Nguyễn Hoài Phong	D20_TH02	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
63	DH52001882	Bùi Phong Phú	D20_TH02	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
64	DH52002061	Nguyễn Hoàng Ngọc	D20_TH02	12	-	-	-	3	-	9	-	-	0
65	DH52001860	Phan Hoàng Phúc	D20_TH02	9	-	-	-	-	-	9	-	-	1
66	DH52003255	Lê Triệu Thanh Phương	D20_TH02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
67	DH52000281	Lư Kiều Minh Quân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
68	DH52003521	Huỳnh Minh Quy	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
69	DH52001024	Nguyễn Duy Sơn	D20_TH02	12	-	-	-	-	-	9	-	3	0
70	DH52003364	Nguyễn Trinh Duy Tân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
71	DH52001726	Huỳnh Ngọc Thắm	D20_TH02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
72	DH52002390	Nguyễn Hoàng Xuân	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
73	DH52001630	Nguyễn Ngọc Thiện	D20_TH02	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
74	DH52002062	Phan Thanh Thúy	D20_TH02	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
75	DH52003694	Nguyễn Hoàng Tiến	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
76	DH52002032	Phạm Ngọc Quế Trâm	D20_TH02	7.5	-	-	-	-	-	4.5	-	3	2.5
77	DH52001832	Tiêu Quang Trường	D20_TH02	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
78	DH52003232	Ngô Xuân Tuy	D20_TH02	11	0.5	-	-	-	-	10.5	-	-	0
79	DH52001340	Phạm Trọng Việt	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
80	DH52002202	Nguyễn Tuấn Vũ	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
81	DH52002063	Lê Trần Thúy Vy	D20_TH02	6	-	-	-	0.5	-	5.5	-	-	4
82	DH52003201	Ngô Hoài An	D20_TH03	24.5	24	-	-	-	-	0.5	-	-	0
83	DH52003458	Mai Xuân Anh	D20_TH03	133	56	-	-	-	-	74	-	3	0
84	DH52002912	Nguyễn Thị Linh Chi	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
85	DH52001339	Dương Lê Thành Danh	D20_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
86	DH52002862	Lê Văn Đạt	D20_TH03	17.5	-	-	-	-	-	17.5	-	-	0
87	DH52001330	Phạm Ngọc Đông	D20_TH03	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6







STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
181	DH52003933	Phạm Thị Thùy Trang	D20_TH05	20.5	-	-	-	-	-	20.5	-	-	0
182	DH52003749	Nguyễn Phạm Gia Vi	D20_TH05	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
183	DH52000747	Nguyễn Thị Thúy Vi	D20_TH05	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
184	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc	D20_TH05	25.5	24	-	-	-	-	1.5	-	-	0
185	DH52005663	Huỳnh Hoàng An	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
186	DH52005670	Lê Hoàng Anh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
187	DH52003384	Trần Thế Quốc Bảo	D20_TH06	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
188	DH52005747	Đào Thành Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
189	DH52004120	Hỷ Văn Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
190	DH52004278	Lê Thành Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
191	DH52004553	Nguyễn An Đình	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
192	DH52005776	Nguyễn Thanh Hải	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
193	DH52004258	Võ Nhật Hào	D20_TH06	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
194	DH52007219	Tạ Lê Trung Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
195	DH52004098	Trần Minh Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
196	DH52004215	Võ Thanh Hoàng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
197	DH52004471	Nguyễn Hoàng Huân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
198	DH52004986	Diệp Bảo Khánh	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
199	DH52004277	Phạm Tuấn Kiệt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
200	DH52004347	Nguyễn Duy Lâm	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
201	DH52004038	Đào Chiêu Linh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
202	DH52004280	Mai Ngọc Phương Linh	D20_TH06	50.5	28	-	-	-	-	21.5	1	-	0
203	DH52004034	Trương Thiện Nhân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
204	DH52004128	Nguyễn Bảo Tuyết Như	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
205	DH52001512	Phạm Minh Phú	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
206	DH52004127	Vũ Ngọc Quảng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
207	DH52004336	Mai Hoàng Quý	D20_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
208	DH52001514	Phạm Minh Quý	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
209	DH52004334	Lê Văn Thái	D20_TH06	18	10	-	-	-	-	8	-	-	0
210	DH52004272	Lưu Thị Thanh Thảo	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
211	DH52004121	Phạm Trung Thắng	D20_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
212	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
213	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	D20_TH06	11.5	-	0.5	-	-	-	11	-	-	0
214	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	D20_TH06	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
215	DH52004106	Châu Gia	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
216	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
217	DH52004042	Trần Trương Thái	Tuấn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
218	DH52004325	Huỳnh Nhật	Viên	D20_TH06	10	-	-	-	-	6	4	-	-	0
219	DH52004141	Nguyễn Hữu	Vinh	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
220	DH52004136	Lê Thái Anh	Vũ	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
221	DH52004312	Nguyễn Trần Lâm	Vũ	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
222	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
223	DH52004683	Phan Thành	Đạt	D20_TH07	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
224	DH52004750	Lê Tấn	Được	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
225	DH52004819	Lý Thế	Hào	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
226	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	D20_TH07	24.5	24	-	-	-	-	0.5	-	-	0
227	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
228	DH52004569	Nguyễn Tăng Tuấn	Hùng	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
229	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
230	DH52004915	Dương Quang	Khải	D20_TH07	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
231	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH07	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
232	DH52004596	Võ Lê	Khang	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
233	DH52004741	Lê Duy	Khánh	D20_TH07	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
234	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
235	DH52005922	Trương Thành	Lập	D20_TH07	52.5	42	-	-	-	-	10.5	-	-	0
236	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
237	DH52005933	Kim Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
238	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
239	DH52004183	Võ Hoàng	Nam	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
240	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
241	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	D20_TH07	29	27	-	-	-	-	2	-	-	0
242	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
305	DH52005731	Trần Lê Minh Duy	D20_TH09	7.5	-	0.5	-	-	-	-	7	-	-	2.5
306	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	-	1	1	-	8
307	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam Dương	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
308	DH52005738	Hồ Khánh Dương	D20_TH09	10	-	-	-	-	-	-	10	-	-	0
309	DH52005745	Cao Tiến Đạt	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
310	DH52005049	Đặng Ngọc Giàu	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	7
311	DH52005778	Trần Đức Hải	D20_TH09	6.5	-	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
312	DH52005800	Phạm Thị Diệu Hiền	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
313	DH52005804	Mai Chí Hiệp	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
314	DH52004983	Nguyễn Minh Hiếu	D20_TH09	12.5	-	0.5	-	-	-	-	12	-	-	0
315	DH52005810	Nguyễn Phi Hiếu	D20_TH09	10.5	-	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
316	DH52005825	Mai Việt Hoàng	D20_TH09	16	12	-	-	-	-	-	4	-	-	0
317	DH52005827	Nguyễn Văn Hoàng	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
318	DH52006575	Lâm Tuấn Khoa	D20_TH09	10	-	-	-	-	-	-	10	-	-	0
319	DH52005904	Nguyễn Đăng Khoa	D20_TH09	13.5	-	-	-	-	-	-	13.5	-	-	0
320	DH52005923	Phạm Võ Hiếu Lễ	D20_TH09	10	-	-	-	-	-	-	10	-	-	0
321	DH52005055	Nguyễn Phú Minh Minh	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	9
322	DH52005955	Võ Việt Mỹ	D20_TH09	36.5	28.5	-	-	-	-	-	8	-	-	0
323	DH52005030	Lê Thanh Nam	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
324	DH52005383	Đặng Thị Kim Ngân	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
325	DH52005977	Nguyễn Ngọc Nghĩa	D20_TH09	11.5	-	-	-	-	-	-	11.5	-	-	0
326	DH52006017	Nguyễn Ngọc Phi	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
327	DH52006058	Dương Trung Quốc	D20_TH09	11	0.5	0.5	-	-	-	-	10	-	-	0
328	DH52006097	Văn Bảo Tâm	D20_TH09	10.5	0.5	0.5	-	-	-	-	9.5	-	-	0
329	DH52006105	Võ Đặng Phúc Tấn	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
330	DH52006159	Võ Đức Thanh	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
331	DH52007181	Châu Thị Thu Thảo	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
332	DH52006169	Lê Chí Thắng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
333	DH52006178	Trần Ngọc Thê	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
334	DH52006111	Phan Đức Tiến	D20_TH09	10.5	-	0.5	-	-	-	-	10	-	-	0
335	DH52006116	Vũ Minh Tiến	D20_TH09	9.5	-	-	-	-	-	-	9.5	-	-	0.5





STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
398	DH52007299	Bùi Trần Đông	Nam	D20_TH11	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
399	DH52007047	Nguyễn Phước	Nguyên	D20_TH11	4.5	2	-	-	-	-	2.5	-	-	5.5
400	DH52006904	Đặng Xuân	Sang	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
401	DH52007102	Trần Nguyễn Thanh Sang		D20_TH11	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
402	DH52007024	Đỗ Trần Hải	Son	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
403	DH52006605	Phan Phúc	Tân	D20_TH11	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
404	DH52007061	Nguyễn Minh	Tấn	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
405	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	D20_TH11	13	2	-	-	-	-	11	-	-	0
406	DH52007161	Phạm Duy	Thắng	D20_TH11	2.5	2	-	-	-	-	0.5	-	-	7.5
407	DH52007101	Trần Văn Quốc	Thắng	D20_TH11	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
408	DH52007002	Nguyễn Phước	Thịnh	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
409	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	D20_TH11	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
410	DH52006741	Lại Văn	Toàn	D20_TH11	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
411	DH52006618	Trần Minh	Trung	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
412	DH52006707	Lê Thanh	Tuấn	D20_TH11	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
413	DH52006712	Nguyễn Việt	Tuấn	D20_TH11	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
414	DH52007424	Ôn Tăng Gia	Vĩ	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
415	DH52006610	Huỳnh Nhật	Vương	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
416	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhựt	ý	D20_TH11	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5

Tổng số SV: **416**

Đã hoàn thành: **76**

Chưa hoàn thành: **340**